

THÔNG BÁO MỜI THẦU

Gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, kiểm tra sức khỏe cán bộ trung cao thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý năm 2020 và phục vụ đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Kính gửi:

Căn cứ Quyết định số 2434/QĐ-SYT ngày 22/9/2020 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, kiểm tra sức khỏe cán bộ trung cao thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý năm 2020 và phục vụ đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-BVĐK ngày 29/9/2020 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu Mua hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, kiểm tra sức khỏe cán bộ trung cao thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý năm 2020 và phục vụ đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi thông báo đến các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu các thông tin cụ thể như sau:

Tên bên mời thầu: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, TP. Quảng Ngãi

Điện thoại/fax/email: 0255-3827899, Fax: 0255-3822641

Mã số thuế: 4300227023

1. Tên gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, kiểm tra sức khỏe cán bộ trung cao thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý năm 2020 và phục vụ đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Loại gói thầu:

Xây lắp ☐ Mua sắm hàng hóa ☒ Tư vấn ☐ Phi tư vấn ☐ Hỗn hợp ☐

Giá gói thầu: 968.309.005 đồng.

Nội dung chính của gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, kiểm tra sức khỏe cán bộ trung cao thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý năm 2020 và phục vụ đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày ký đến ngày 31/10/2020.



2. Tên dự án (hoặc tên dự toán mua sắm đối với mua sắm thường xuyên): Mua hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, kiểm tra sức khỏe cán bộ trung cao thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý năm 2020 và phục vụ đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, các nguồn thu từ bảo hiểm y tế, thu một phần viện phí và các nguồn thu hợp pháp khác trong năm 2020, 2021 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu thông thường.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

6. Thời gian phát hành HSYC: ***Từ 8 giờ 00 ngày 02 tháng 10 năm 2020 đến trước 09 giờ 00 ngày 09 tháng 10 năm 2020 (trong giờ hành chính).***

7. Địa điểm phát hành HSYC và tiếp nhận HSDX: Phòng Vật tư-thiết bị y tế, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

- ĐC: Đường Lê Hữu Trác, TP.Quảng Ngãi.

- ĐT: 0255.3827828 Fax: 0255.3822641

8. Giá bán 01 bộ HSYC: Miễn phí.

9. Thời điểm đóng thầu: ***9 giờ 00, ngày 09 tháng 10 năm 2020.***

10. Thời điểm mở thầu: Hồ sơ yêu cầu được mở công khai vào lúc ***9 giờ 30, ngày 09 tháng 10 năm 2020***, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi – Đường Lê Hữu Trác, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi nhận:

- Các nhà thầu phát hành HSYC;
- Trang Website BVĐK tỉnh;
- Tổ thẩm định;
- Lưu: VT, Tổ chuyên gia/.

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Giới



DANH SÁCH CÁC NHÀ THẦU CÓ ĐỦ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM ĐƯỢC PHÁT HÀNH HỒ SƠ YÊU CẦU

GÓI THẦU: MUA HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM XIN MUA THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHÁM, KIỂM TRA SỨC KHỎE PHỤC VỤ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP, NHIỆM KỲ 2020 - 2025, TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Đính kèm Thông báo số 1015 /TB-BVĐK ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Giám Đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Đơn vị báo giá được chọn	STT MH	Tên hàng hóa	Tên thương mại/Tên thường dùng/Tên tiếng anh (nếu có)	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Phân nhóm	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước Sản xuất	Số lượng
1	Công ty TNHH TBYT Bình Minh	1	Combur-10-M	Combur-10-M 100 Str	10 thông số	100 test	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức	9
		2	AFP	AFP Elecsys cobas e 100 V1.1	M: 6.5ml, R1: 10ml, R2: 10ml	M: 6.5ml, R1: 10ml, R2: 10ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức	7
		3	AFP Calset	AFP G2 CS Elecsys V2.1	4 x 1 ml	4 x 1 ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	3
		4	Assay Cup Elecsys	ASSAY CUP ELECSYS2010/cobas e411	60 x 60 cup	60 x 60 cup/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức / Thụy Sĩ	2
		5	Assay Tip Elecsys	ASSAY TIP ELECSYS 2010/cobas e411	30 x 120 tip	30 x 120 tip/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức / Thụy Sĩ	3
		6	CA 15-3	CA 15-3 G2 Elecsys cobas e 100	M: 6.5ml, R1: 10ml, R2: 10ml	M: 6.5ml, R1: 10ml, R2: 10ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức	2
		7	CA 15-3 Calset	CA 15-3 G2 CS Elecsys	4 x 1 ml	4 x 1 ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức	2
		8	CA 19-9	CA 19-9 Elecsys cobas e 100	M: 6.5ml, R1: 10ml, R2: 10ml	M: 6.5ml, R1: 10ml, R2: 10ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	7
		9	CA 19-9 Calset	CA 19-9 CS Elecsys	4 x 1ml	4 x 1ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	3
		10	CEA	CEA Elecsys cobas e 100	M: 8ml, R1: 10ml, R2: 8ml	M: 8ml, R1: 10ml, R2: 8ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức	9
		11	CEA Calset	CEA CS Elecsys V2	4 x 1ml	4 x 1ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức	3
		12	Clean Cell	CleanCell Elecsys, cobas e	6 x 380 ml	6 x 380 ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức	8
		13	Ferritin Calset Gen.2	Ferritin CS Elecsys V2	4 x 1 ml	4 x 1 ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	3
		14	Ferritin Gen.2	Ferritin Elecsys cobas e 100 V2	M: 6.5ml, R1: 10ml, R2: 10ml	M: 6.5ml, R1: 10ml, R2: 10ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	8

STT	Đơn vị bảo giá được chọn	STT MH	Tên hàng hóa	Tên thương mại/Tên thường dùng/Tên tiếng anh (nếu có)	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Phân nhóm	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước Sản xuất	Số lượng
		15	FT4	FT4 G3 Elecsys cobas e 200	M: 12ml, R1: 18ml, R2: 18ml	M: 12ml, R1: 18ml, R2: 18ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	4
		16	FT4 Calset	FT4 G3 CS Elecsys	4 x 1 ml	4 x 1 ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	2
		17	PreciControl Tumor Marker Elec	PreciControl TM Elecsys	4 x 3 ml	4 x 3 ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	3
		18	PreciControl Universal	PreciControl Universal Elecsys V2	4 x 3 ml	4 x 3 ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	8
		19	Pro Cell	ProCell Elecsys, cobas e	6 x 380 ml	6 x 380 ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức	8
		20	PSA Calset Gen.2	Total PSA G2 CS Elecsys V2.1	4 x 1 ml	4 x 1 ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	3
		21	PSA Gen.2	Total PSA Elecsys cobas e 100 V2.1	M: 6.5ml, R1: 10ml, R2: 10ml	M: 6.5ml, R1: 10ml, R2: 10ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức	7
		22	Sys Wash	Sys Wash Elecsys, cobas e	1 x 500ml	1 x 500ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Roche	Đức	3
		23	TSH	TSH Elecsys cobas e 200 V2	M: 12ml, R1: 14ml, R2: 12ml	M: 12ml, R1: 14ml, R2: 12ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	5
		24	TSH Calset	TSH CS Elecsys V3	4 x 1.3 ml	4 x 1.3 ml/Hộp	Nhóm 1	Hộp	Roche	Đức	3
2	Công ty CP Y Tế Quang Minh	25	Eluent 80A	Eluent 80A	600ml x 4	600ml x 4/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Arkray	Nhật Bản	1
		26	Eluent 80B	Eluent 80B	600ml x 2	600ml x 2/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Arkray	Nhật Bản	1
		27	Eluent 80CV	Eluent 80CV	600ml x 2	600ml x 2/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Arkray	Nhật Bản	1
		28	Hemolysis Washing Sol. 80H	Hemolysis Washing Solution 80H	2l x 3	2l x 3/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Arkray	Nhật Bản	1
		29	Control Dilution Set 80	Control Dilution Set 80	1 x 250ml+ 1 x 15ml	1 x 250ml+ 1 x 15ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Arkray	Nhật Bản	1
3	Công ty TNHH TB Minh Tâm	30	CRP	CRP	4x14ml+4x6ml	4x14ml+4x6ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/At-len sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	At-len	0,75

STT	Đơn vị báo giá được chọn	STT MH	Tên hàng hóa	Tên thương mại/Tên thường dùng/Tên tiếng anh (nếu có)	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Phân nhóm	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước Sản xuất	Số lượng
		31	Direct bilirubin	Direct Bilirubin	4x20ml+4x20ml	4x20ml+4x20ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Ai-len	0,75
		32	GGT/IFCC	GGT	4x40ml+4x40ml	4x40ml+4x40ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/Ai-len	Ai-len	0,75
		33	Iron	Iron	4x15ml+4x15ml	4x15ml+4x15ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Ai-len	0,75
		34	ITA control serum level 2	ITA Control Serum Level 2	1x2ml	1x2ml/Lọ	Nhóm 6	Lọ	Cliniqa Corporation/ Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter/Ai-len	Mỹ	3
		35	ITA control serum level 3	ITA Control Serum Level 3	1x2ml	1x2ml/Lọ	Nhóm 6	Lọ	Cliniqa Corporation/ Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter/Ai-len	Mỹ	3
		36	LDH, IFCC/GSC	LDH	4x40ml+4x20ml	4x40ml+4x20ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/Ai-len	Ai-len	0,75
		37	Total bilirubin	Total Bilirubin	4x40ml+4x40ml	4x40ml+4x40ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Ai-len	0,75
		38	Uric Acid	Uric Acid	4x42.3ml+4x17.7ml	4x42.3ml+4x17.7ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Ai-len	0,75

STT	Đơn vị báo giá được chọn	STT MH	Tên hàng hóa	Tên thương mại/Tên thường dùng/Tên tiếng anh (nếu có)	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Phân nhóm	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước Sản xuất	Số lượng
4	Công ty TNHH TMĐP và TTB Y tế Tata	39	Serum protein multicalibrator 1	Serum Protein Multi-Calibrator 1	6x2ml	6x2ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Clinica Corporation/ Mỹ sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Mỹ	2
		40	AST/ GOT	AST	4x25ml+4x25ml	4x25ml+4x25ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Ai-len	1
		41	Creatinin	Creatinine	4x51ml+4x51ml	4x51ml+4x51ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Ai-len	1
		42	Wash solution	Wash Solution	1x51	1x51/Bình	Nhóm 6	Bình	Beckman Coulter/Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Ai-len	1
		43	UREA/BUN	Urea/Urea nitrogen	4x53ml+4x53ml	4x53ml+4x53ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Ai-len	1
		44	ALT/ GPT	ALT	4x50ml+4x25ml	4x50ml+4x25ml/Hộp	Nhóm 6	Hộp	Beckman Coulter/Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter/Mỹ	Ai-len	1
		45	Định lượng HDL- Cholesterol	Ultra HDL	4 x 84ml + 4 x 32ml	4 x 84ml + 4 x 32ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Canada	1
		46	Anti HCV Reagent Kit	Architect Anti-HCV Reagent kit	1 x 6,6ml + 1 x 5,9ml + 1 x 10ml	1 x 6,6ml + 1 x 5,9ml + 1 x 10ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Đức	6
		47	Probe conditioning Solution	Architect probe conditioning solution	4 x 25ml	4 x 25ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Ai-len	1
		48	HBsAg Reagent Kit	Architect HBsAg Reagent kit	1 x 6,6ml + 1 x 5,9ml + 1 x 3,9ml	1 x 6,6ml + 1 x 5,9ml + 1 x 3,9ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Đức	2
		49	HBsAg Qual. Reagent Kit	Architect HBsAg Qualitative II Reagent kit	1 x 6,6ml + 1 x 5,9ml + 1 x 5,9ml	1 x 6,6ml + 1 x 5,9ml + 1 x 5,9ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Ai-len	6

STT	Đơn vị báo giá được chọn	STT MH	Tên hàng hóa	Tên thương mại/Tên thường dùng/Tên tiếng anh (nếu có)	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Phân nhóm	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước Sản xuất	Số lượng
		50	Anti HBs Calibrators	Architect Anti-HBs Calibrators	6 x 4ml	6 x 4ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Ai-len	1
		51	Anti HBs Controls	Architect Anti-HBs Controls	3 x 8ml	3 x 8ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Ai-len	1
		52	Anti HBs Reagent kit	Architect Anti-HBs Reagent	1 x 4,56ml + 1 x 5,9ml	1 x 4,56ml + 1 x 5,9ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Ai-len	8
		53	Anti HBe Calibrators	Architect Anti-HBe Calibrators	1 x 4ml	1 x 4ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Đức	2
		54	Anti HBe Controls	Architect Anti-HBe Controls	2 x 8ml	2 x 8ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Đức	2
		55	Anti HBe Reagent kit	Architect Anti-HBe Reagent kit	1 x 6,6ml + 1 x 5,9ml + 1 x 5,9ml	1 x 6,6ml + 1 x 5,9ml + 1 x 5,9ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Đức	2
		56	Concentrated Wash Buffer	Architect Concentrated Wash Buffer	4 x 975ml	4 x 975ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Ai-len	7
		57	Reaction Vessel	Architect Reaction Vessels	8 túi x 500 cái	8 túi x 500 cái/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Abbott	Mỹ	2
		58	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Coagpia APTT-N APTT	10 x 4ml	10 x 4ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Sekisui	Nhật Bản	2
		59	Thuốc thử xét nghiệm PT	Coagpia PT-N	10 x 10ml	10 x 10ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Sekisui	Nhật Bản	2
		60	CaCl2	Coagpia APTT-N CaCl2	10 x 4ml	10 x 4ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Sekisui	Nhật Bản	2
		61	Thuốc thử xét nghiệm FIB (Fbg Thrombin Reagent)	Coagpia Fbg Thrombin reagent	10 x 3ml	10 x 3ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Sekisui	Nhật Bản	3
		62	Dung dịch pha loãng Diluent	Coagpia Fbg Sample Dilution Solution	10 x 10ml	10 x 10ml/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Sekisui	Nhật Bản	3
		63	Cuvette	CP2000 Cuvettes	1000 cái	1000 cái/Hộp	Nhóm 3	Hộp	Sekisui	Nhật Bản	3
		64	WBC Lyse 8HS2-01	WBC Lyse Cell-Dyn Ruby, Cell-Dyn 3200 systems	3800ml	3800ml/Thùng	Nhóm 3	Thùng	Abbott	Mỹ	2
		65	Diluent/Sheath 1H73-01	Diluent/Sheath Cell-Dyn Sapphire and Cell-Dyn Ruby systems	20 lít	20 lít/Thùng	Nhóm 3	Thùng	Abbott	Mỹ	3

[illegible]